

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc quy định bố trí số lượng cán bộ, công chức ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 72/TTr-SNV ngày 13 tháng 3 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định bố trí số lượng cán bộ, công chức ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo loại đơn vị hành chính cấp xã

a) Đối với cấp xã loại 1 bố trí không quá 22 người;

b) Đối với cấp xã loại 2 bố trí không quá 20 người.



## **Điều 2. Bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã loại 1**

1. Bố trí số lượng cán bộ không quá 12 người

- a) Bí thư Đảng ủy;
- b) Phó Bí thư Đảng ủy (*hoặc Thường trực Đảng ủy*);
- c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân (*bố trí kiêm nhiệm, trừ trường hợp đặc biệt không bố trí được kiêm nhiệm*);
- d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*bố trí kiêm nhiệm khi có đủ điều kiện*);
- e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*bố trí 02 người theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ*);
- g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- k) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (*áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân*);
- l) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Bố trí số lượng công chức không quá 10 người (*Trường Công an bố trí chính quy*)

- a) Chỉ huy trưởng Quân sự;
- b) Tài chính - Kế toán (*bố trí 01 người*);
- c) Văn phòng - Thống kê (*bố trí 02 người: 01 phụ trách Văn phòng Ủy ban nhân dân, lĩnh vực nội vụ và bộ phận một cửa; 01 phụ trách Văn phòng Đảng ủy và công tác tổ chức đảng*);
- d) Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (*bố trí 02 người: 01 phụ trách Địa chính - Xây dựng; 01 phụ trách Đô thị - Môi trường hoặc Nông nghiệp - Môi trường*);
- đ) Tư pháp - Hộ tịch (*bố trí 02 người*);
- e) Văn hóa - Xã hội (*bố trí 02 người: 01 phụ trách Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao; 01 phụ trách Lao động - Thương binh - Xã hội và Trẻ em*).

3. Bố trí cán bộ kiêm nhiệm

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị, nơi nào có đủ điều kiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và cán bộ cấp xã thì bố trí theo một trong hai hướng như sau: Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch UBND cấp xã; Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND cấp xã thì giảm được 02 người

so với quy định. Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND cấp xã thì giảm được 01 người so với quy định.

### **Điều 3. Bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã loại 2**

1. Bố trí số lượng cán bộ không quá 11 người.
  - a) Bí thư Đảng ủy;
  - b) Phó Bí thư Đảng ủy (*hoặc Thường trực Đảng ủy*);
  - c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân (*bố trí kiêm nhiệm, trừ trường hợp đặc biệt không bố trí được kiêm nhiệm*);
  - d) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
  - đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*bố trí kiêm nhiệm khi có đủ điều kiện*);
  - e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*bố trí 01 người theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ*);
  - g) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
  - h) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
  - i) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
  - k) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (*áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân*);
  - l) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
2. Bố trí số lượng công chức không quá 09 người (*Trường Công an bố trí chính quy*)
  - a) Chỉ huy trưởng Quân sự;
  - b) Tài chính - Kế toán (*bố trí 01 người*);
  - c) Văn phòng - Thống kê (*bố trí 02 người: 01 phụ trách Văn phòng Ủy ban nhân dân, lĩnh vực nội vụ và bộ phận một cửa; 01 phụ trách Văn phòng Đảng ủy, công tác tổ chức đảng và tuyên giáo*);
  - d) Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (*bố trí 02 người: 01 phụ trách Địa chính - Xây dựng; 01 phụ trách Đô thị - Môi trường hoặc Nông nghiệp - Môi trường*);
  - đ) Tư pháp - Hộ tịch (*bố trí 01 người*);
  - e) Văn hóa - Xã hội (*bố trí 02 người: 01 phụ trách Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao; 01 phụ trách Lao động - Thương binh - Xã hội và Trẻ em*).
3. Bố trí cán bộ kiêm nhiệm

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị, nơi nào có đủ điều kiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và cán bộ cấp xã thì bố trí theo một trong hai hướng như sau: Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch UBND cấp xã;

Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND cấp xã thì giảm được 02 người so với quy định. Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND cấp xã thì giảm được 01 người so với quy định.

#### **Điều 4. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh**

Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **Điều 5. Về chế độ nghỉ việc**

Cán bộ, công chức cấp xã dôi dư (nếu có) do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Quyết định này thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 6. Tổ chức triển khai thực hiện**

1. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 03 năm 2020 và thay thế Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (MM).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Dương Thành Trung*